CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực

Ngày 30/06/2025	2,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.8%	**-8.3%**	**-8.3%**

DT thuần
Q2/25
0.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.18| 89.4%
YoY: ▼4.56| -92.3%

LN thuần
Q2/25
-72.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼71.4| -8595%
YoY: ▼69.4| -2487%

LN sau thuế
Q2/25
-76.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼75.0| -7354%
YoY: ▼73.2| -2606%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-3022%
YoY: +/-▼ 2609%

ROE (TTM)
Q2/25
-27.0%
YoY: +/-▼ 21.7%

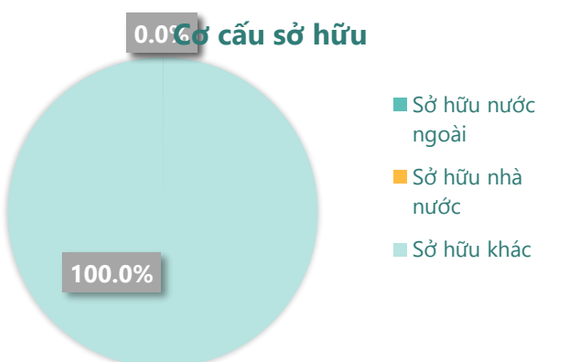
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,700 - 3,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	100
Số lượng CPLH (CP)	45,407,161
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,420
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.18
EPS	-2,057
P/E	-1.1

DT thuần
6T 2025
0.58
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.16| -91.4%

LN thuần
6T 2025
-73.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼68.1| -1374%

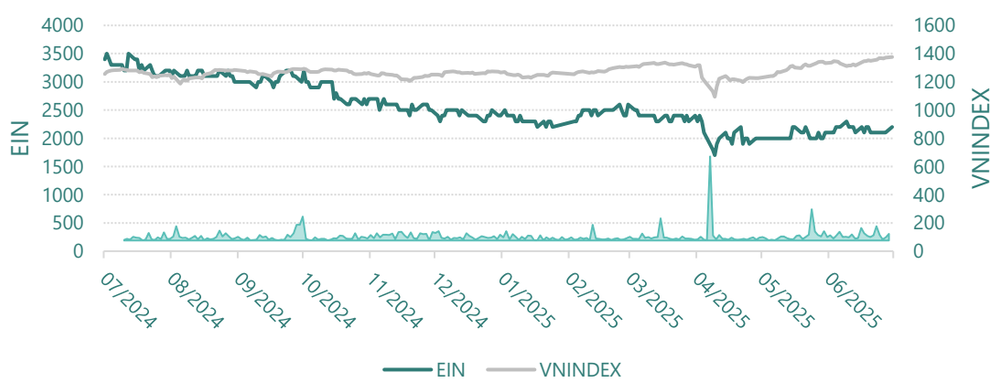
LN sau thuế
6T 2025
-77.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼72.6| -1623%

Cơ cấu sở hữu

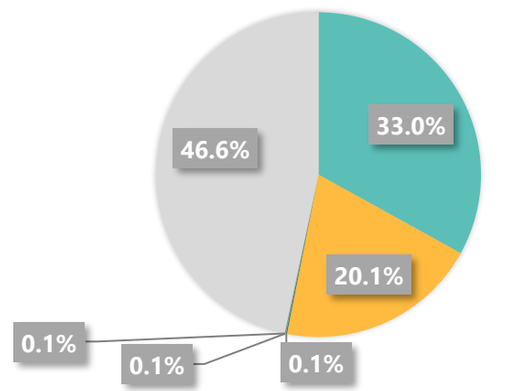


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

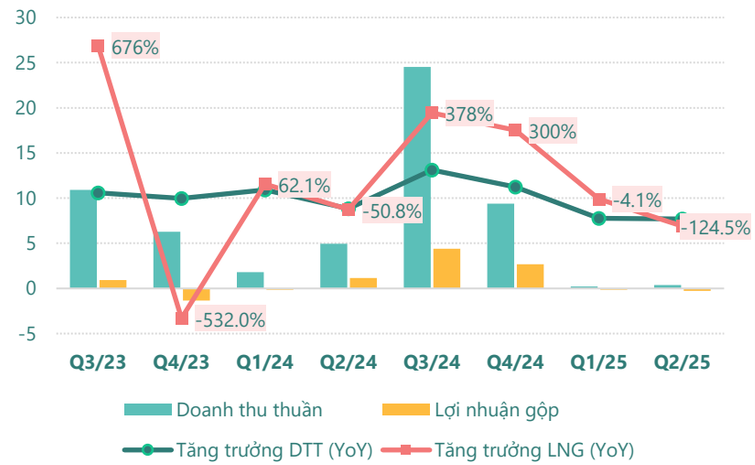


- CTCP Công nghệ và Thiết bị điện Hà Nội
- CTCP Giải pháp Đầu tư Thái Sơn
- Lê Thanh Tùng
- CTCP Cơ điện Thủ Đức
- Công ty TNHH An Hòa Linh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

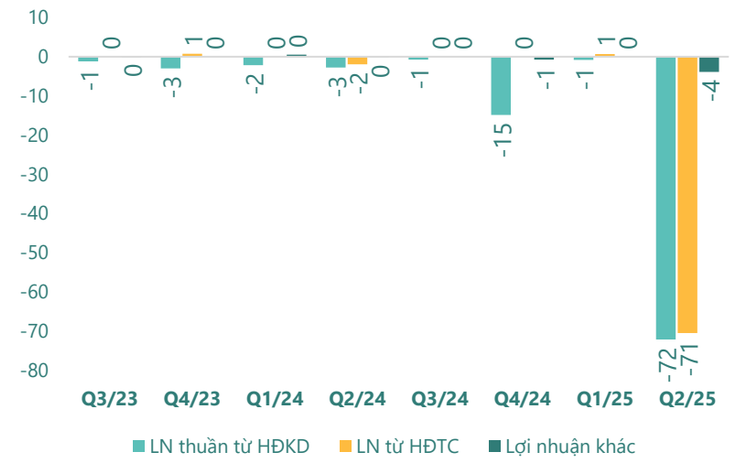
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



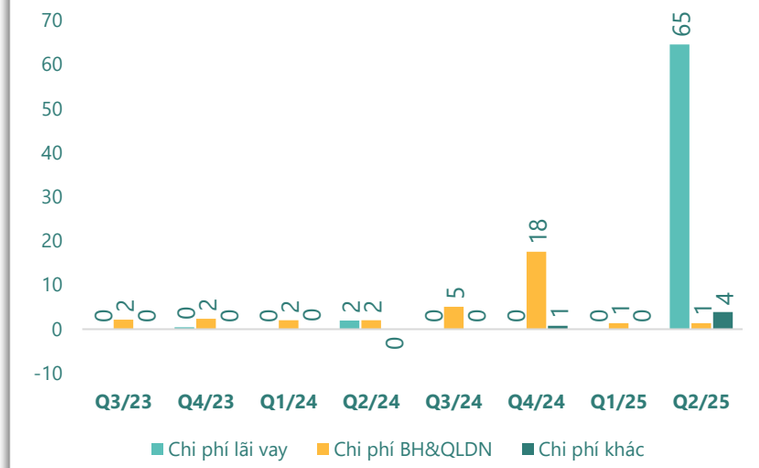
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



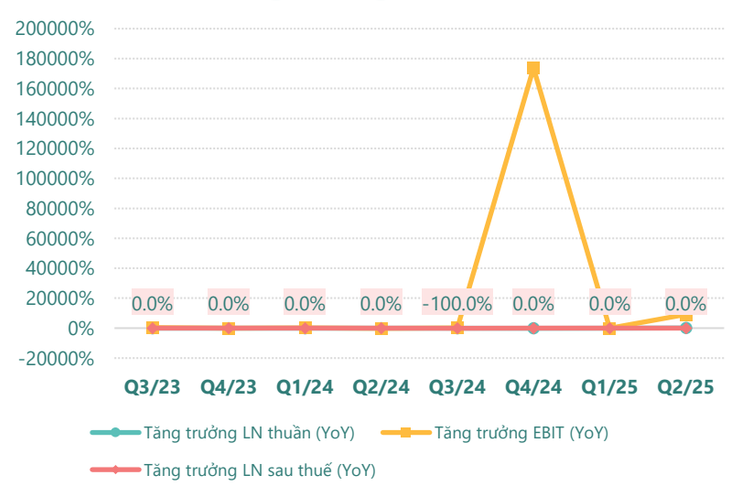
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



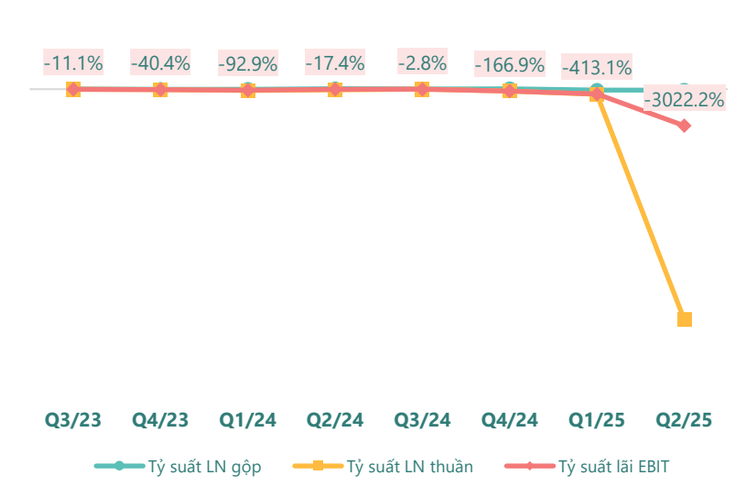
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



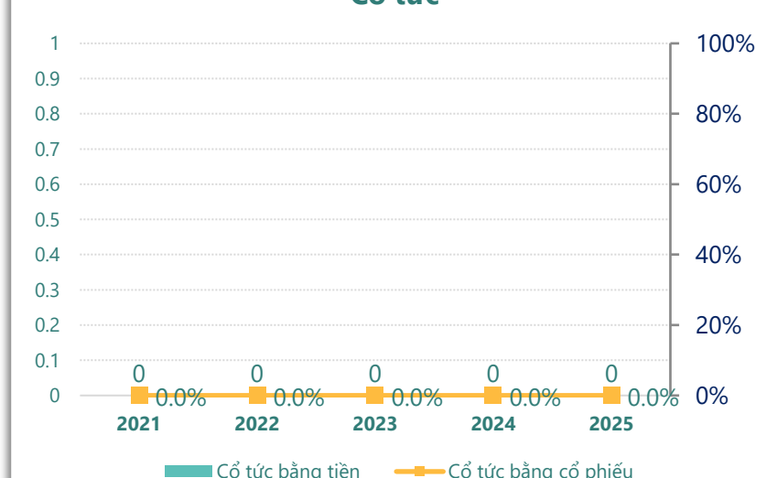
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

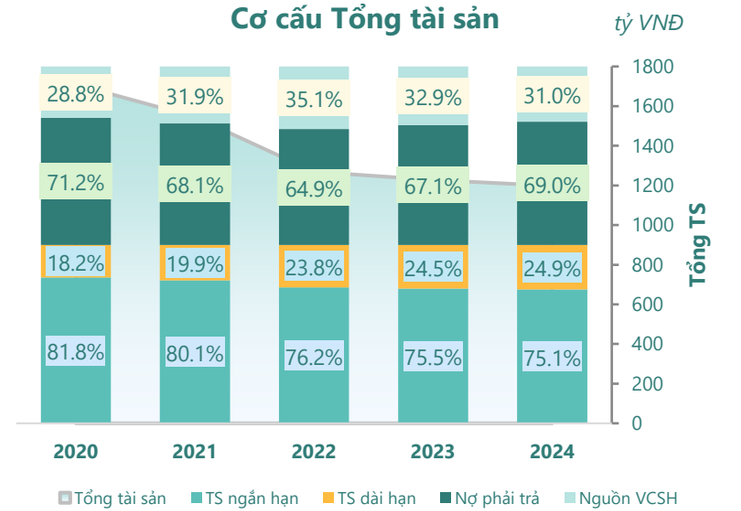
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

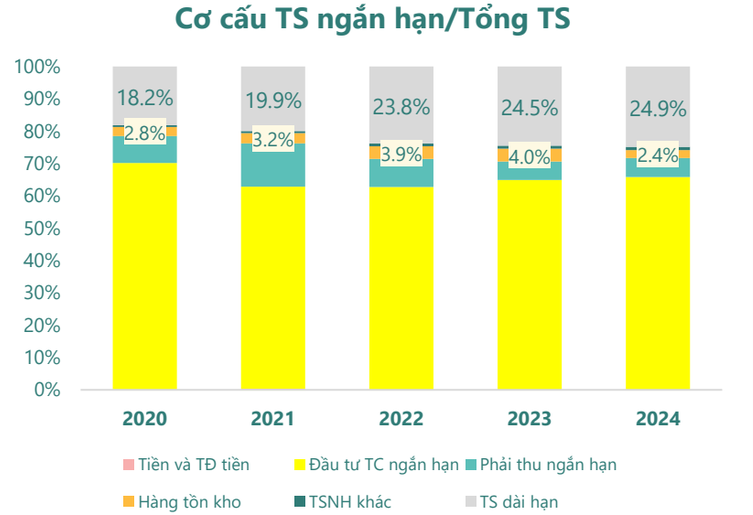
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



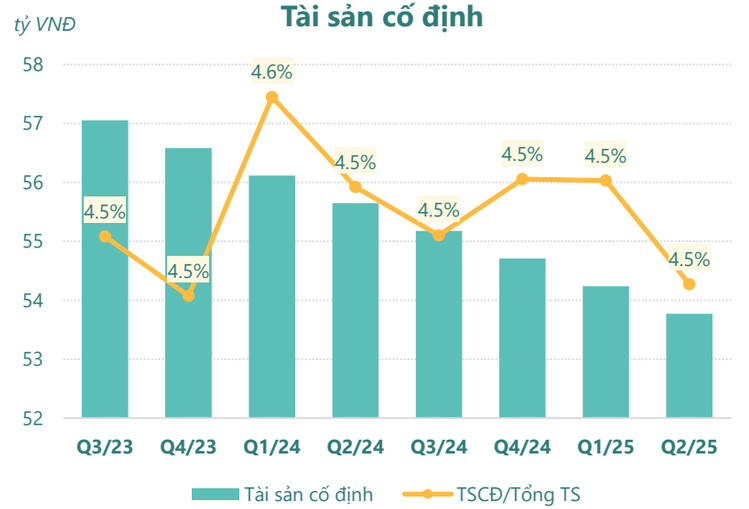
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



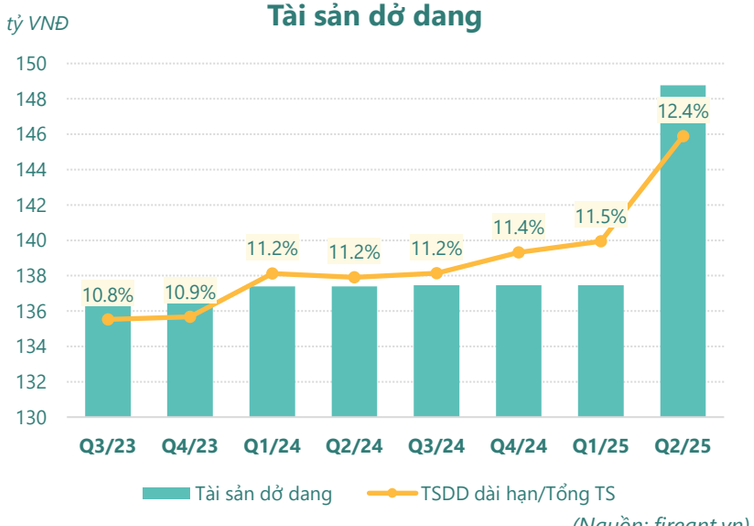
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



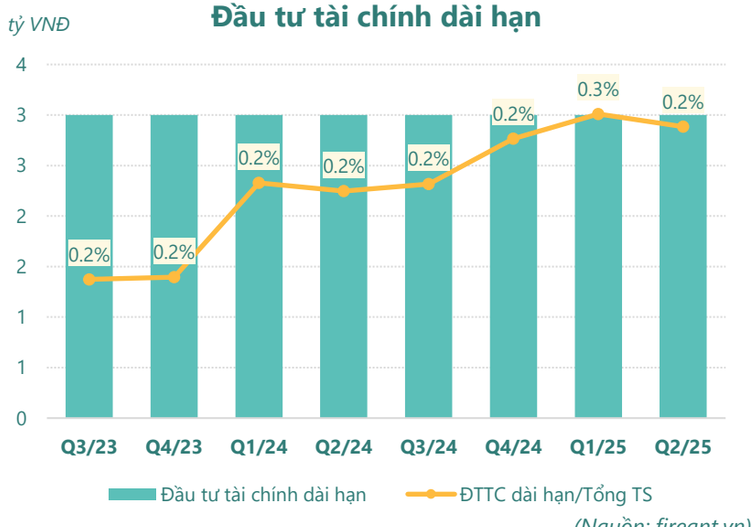
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



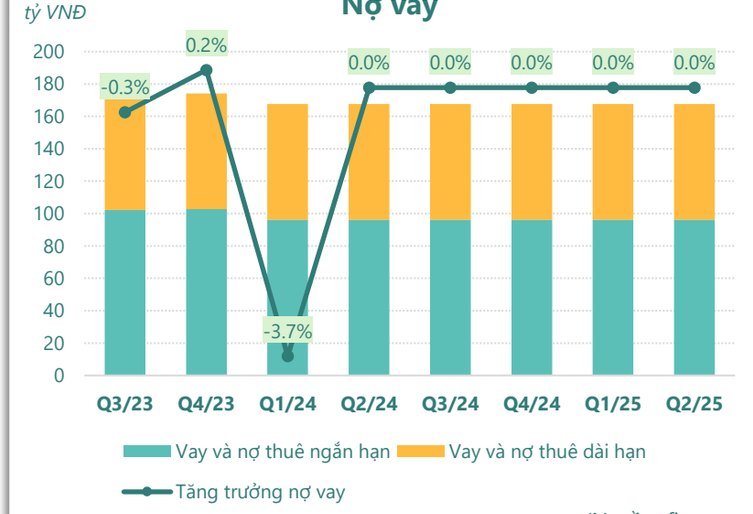
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

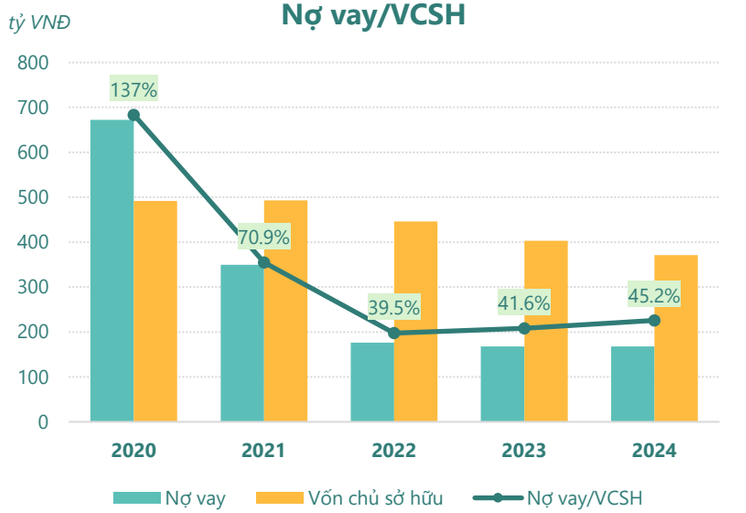
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

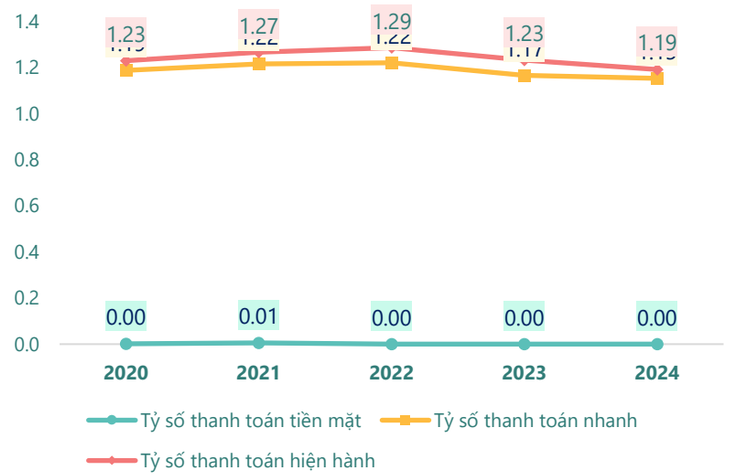
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



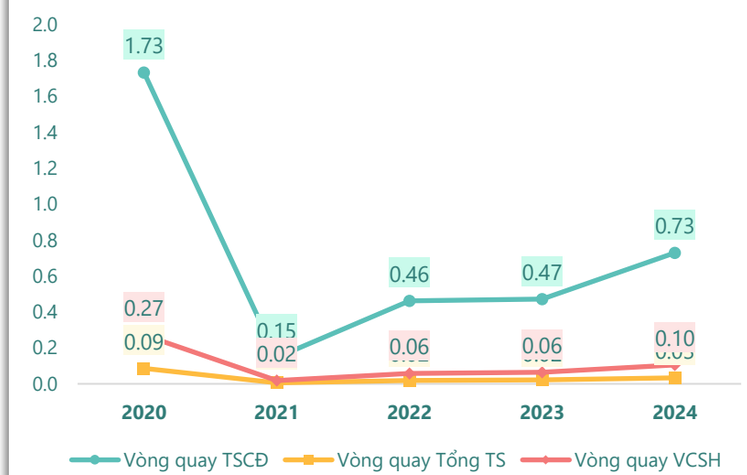
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



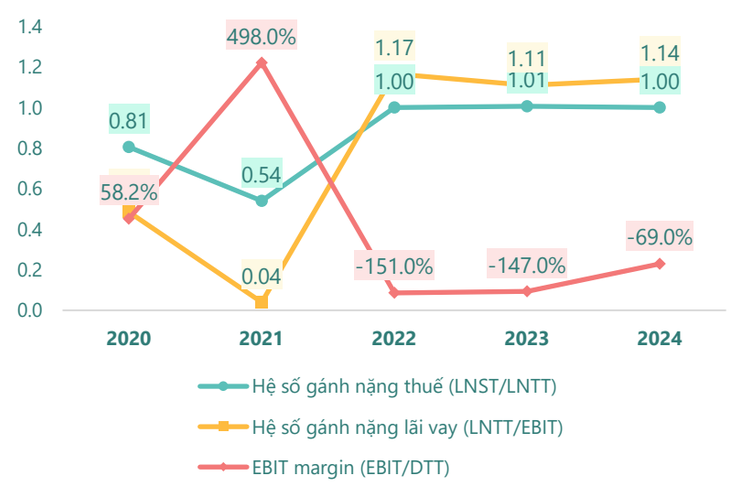
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



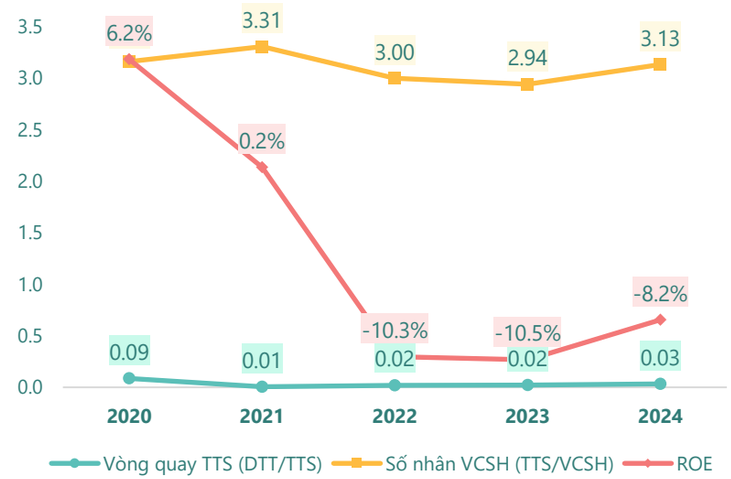
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



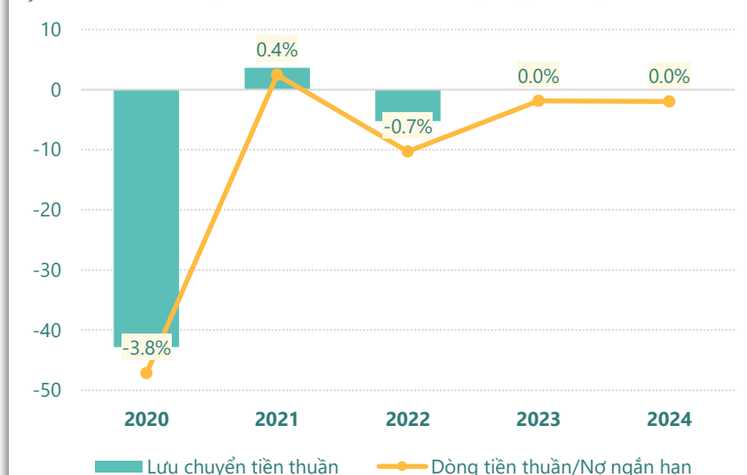
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.38**	**4.94**	**-92.3%**	**0.58**	**6.74**	**-91.4%**
Giá vốn hàng bán	0.66	3.78	-82.4%	1.02	5.72	-82.2%
Lợi nhuận gộp	-0.29	1.16	-125%	-0.44	1.02	-143%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.65	0.00	392118%
Chi phí TC	70.5	1.95	3516%	70.5	1.95	3525%
Chi phí lãi vay	64.6	1.95	3212%	64.6	1.95	3220%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.03	-100%	0	0.10	-100%
Chi phí QLDN	**1.37**	**1.98**	**-30.8%**	**2.70**	**3.93**	**-31.1%**
LN thuần từ HĐKD	-72.2	-2.79	-2487%	-73.0	-4.95	-1374%
Lợi nhuận khác	**-3.87**	**-0.02**	**-19232%**	**-3.86**	**0.48**	**-905%**
LN trước thuế	-76.0	-2.81	-2606%	-76.9	-4.47	-1618%
Lợi nhuận sau thuế	**-76.0**	**-2.81**	**-2606%**	**-77.1**	**-4.47**	**-1623%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-76.0**	**-2.81**	**-2606%**	**-77.1**	**-4.47**	**-1623%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.02	0.65	-0.60	-0.10	-0.23	0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.26	0.24	1.06	0.44	0.28	0.04
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.02**	**0.65**	**-0.60**	**-0.10**	**-0.23**	**0.08**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	0.24	1.06	0.44	0.28	0.04	0.08

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,201**	**1,198**	**0.3%**
Tài sản ngắn hạn	893	900	-0.7%
Tiền và tương đương tiền	0.08	0.28	-70.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	781	787	-0.8%
Phải thu ngắn hạn	71.5	71.1	0.6%
Hàng tồn kho	29.0	29.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	11.7	-8.0%
Tài sản dài hạn	**308**	**298**	**3.5%**
Phải thu dài hạn	92.1	92.0	0.1%
Tài sản cố định	53.8	54.7	-1.7%
Bất động sản đầu tư	10.9	11.0	-0.9%
Tài sản dở dang	149	137	8.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	907	826	9.8%
Nợ ngắn hạn	**836**	**755**	**10.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	96.1	96.1	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.88	7.52	4.8%
Nợ dài hạn	71.5	71.5	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	71.5	71.5	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**294**	**371**	**-20.8%**
Vốn chủ sở hữu	**294**	**371**	**-20.8%**
Vốn điều lệ	454	454	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)